TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Mỹ Phúc

Ông Nguyễn Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1983. Nơi cư trú: số nhà E, tổ F, Khóm B, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1977. Nơi cư trú: số nhà D, Khóm B, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: năm 2005 chị Đ và anh Nguyễn Thanh P quen biết, yêu thương nhau nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan

điểm, không có tiếng nói chung, luôn cự cải với nhau, anh P bỏ nhà đi đến huyện C, tỉnh Trà Vinh sống với người phụ nữ khác, không rõ họ tên, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nên chị Đ xin ly hôn với anh P.

- Về con chung: chị Đ và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 04/3/2006, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 27/12/2024, bị đơn Nguyễn Thanh P đề nghị giải quyết vắng mặt suốt quá trình tố tụng và trình bày ý kiến: đồng ý ly hôn với Trần Thị Ngọc Đ; chị Đ và anh P có 1 con chung tên Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 04/3/2006, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Đ và anh P đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh P, nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh P tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 05/10/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự cho thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh P đã mâu thuẫn từ đầu năm 2017, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị Đ giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P, anh P cũng đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Như vậy, mẫu thuẫn giữa chị Đ và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, xử cho chị Đ và anh P ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về con chung: Chị Đ và anh P có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 04/3/2006, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ và anh P xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0007372 ngày 30/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc Đ với anh Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc Đ với anh Nguyễn Thanh P có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 04/3/2006, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc Đ với anh Nguyễn Thanh P không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007372 ngày 30/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Giấy CNKH số 81/2005, ngày 05/10/2005);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Mỹ Thuận